

ĐÁP ÁN PHẦN ÔN TẬP TUẦN 1-6

TUẦN 1,2

Bài 16: ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

1. Dựa vào số liệu trong bảng 16.1 và nội dung SGK, hãy giải thích về sự tăng trưởng kinh tế của các nước Đông Nam Á năm 1998?

- Trong năm 1998, mức tăng trưởng kinh tế của các nước Đông Nam Á giảm. Cụ thể:
 - + Những nước không có sự tăng trưởng: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan (thực chất là kinh tế kém năm trước)
 - Những nước có mức tăng trưởng giảm nhưng không lớn lắm: Việt Nam, Xin-ga-po.
 - Nguyên nhân:
 - + Do khủng hoảng tài chính năm 1997 tại Thái Lan, đồng tiền Thái Lan bị phá giá, nền kinh tế sa sút, tăng trưởng âm.
 - + Cuộc khủng hoảng này ảnh hưởng tới sự tăng trưởng của nền kinh tế các nước trong khu vực. Riêng Việt Nam mức tăng trưởng không bị ảnh hưởng nhiều do nền kinh tế của chúng ta chưa quan hệ rộng với bên ngoài nên chịu tác động ở mức độ hạn chế hơn.

2. Dựa vào tập bản đồ địa lí 8 trang 17, em hãy hoàn thành bảng sau:

Cây trồng chính	Nơi phân bố	Vật nuôi chính	Nơi phân bố
Cây lương thực: - Lúa gạo	- Các nước thuộc bán đảo Trung Ấn	- Trâu, bò	- Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a
Cây công nghiệp: - Cà phê - Cao su - Mía - Dừa	- Việt Nam, In-đô-nê-xi-a - Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a - Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a - Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Bru-nây, Đông Ti-mo	- Lợn	- Phi-líp-pin

- Cho biết khu vực Đông Nam Á có những ngành công nghiệp chính nào? Phân bố ở đâu?

- + Luyện kim: có ở Việt Nam, Mi-an-ma, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, thường ở các trung tâm công nghiệp gần biển, do có nguyên liệu hoặc nhập nguyên liệu.

+ Chế tạo máy: có ở hầu hết các quốc gia và chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp gần biển do thuận tiện cho việc nhập nguyên liệu cũng như xuất sản phẩm đã được chế biến.

Bài 17: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

1. Điền vào bảng sau tên các nước ASEAN theo thứ tự năm gia nhập:

Năm gia nhập	Tên nước	Số lượng thành viên theo năm
- 1967	- Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a	5
- 1984	- Bru-nây	6
- 1995	- Việt Nam	7
- 1997	- Lào, Mi-an-ma	9
- 1999	- Cam-pu-chia	10

2. Em hãy trình bày mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của ASEAN?

- Mục tiêu của Hiệp Hội các nước Đông Nam Á thay đổi theo thời gian.

+ Năm 1967: liên kết về quân sự là chính.

+ Cuối năm 1970 đầu 1980: xu hướng hợp tác kinh tế xuất hiện và ngày càng phát triển.

+ Năm 1990: Giữ vững hòa bình, an ninh, ổn định khu vực, xây dựng một cộng đồng hòa hợp, cùng phát triển kinh tế.

+ Tháng 12/1998: Đoàn kết hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển đồng đều.

- Nguyên tắc: Đến năm 1999, hiệp hội có mười nước thành viên hợp tác để cùng phát triển xây dựng một cộng đồng hòa hợp ổn định trên nguyên tắc tự nguyện, tôn trọng chủ quyền của nhau, hợp tác toàn diện.

3. Hãy nêu những thành tựu về sự hợp tác để phát triển kinh tế-xã hội của các nước ASEAN trong những năm gần đây?

- Thành lập khu vực mậu dịch tự do (AFTA) năm 1992. ASEAN cũng đang từng bước giảm thiểu các hàng rào phi thuế quan đối với thương mại.

- ASEAN có nhiều tiến triển tích cực trong tự do hóa thương mại, dịch vụ, tăng cường trao đổi hàng hóa giữa các nước.

- Phối hợp khai thác và bảo vệ lưu vực sông Mê Công.
- Xây dựng tuyến đường sắt, đồ bộ từ Việt Nam sang Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po; từ Mi-an-ma qua Lào tới Việt Nam...

Tuần 3,4

Bài 18: THỰC HÀNH - TÌM HIỂU LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Hoàn thành bảng sau:

	Lào	Campuchia
<p>1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - giáp quốc gia: - giáp biển - Thuận lợi và khó khăn về vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế 	<p>Thuộc khu vực Đông Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phía đông giáp Việt Nam -Phía bắc giáp Trung Quốc và Mi-an-ma -Phía tây giáp Thái Lan -Phía nam giáp Cam-pu-chia. <p>=> Giao thương với bên ngoài chủ yếu bằng đường bộ, đường sông và thông qua cảng biển của miền Trung Việt Nam.</p>	<p>-Thuộc khu vực Đông Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phía bắc và tây bắc giáp Thái Lan -Phía đông bắc giáp Lào -Phía đông và đông nam giáp Việt Nam -Phía tây nam giáp Vịnh Thái Lan <p>=> Cam-pu-chia có thể liên hệ với nước ngoài bằng cả đường biển (cảng Xi-ha-nuc-vin), đường sông và đường bộ.</p>
<p>2. Dân cư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số dân - Tỷ lệ gia tăng dân số - Các thành phố lớn - Ngôn ngữ 	<p>5,5 triệu dân</p> <p>2,3</p> <p>Lào</p>	<p>12,3 triệu dân</p> <p>1,7</p> <p>Khơ-me</p>
<p>3. Kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu kinh tế: 		

+ công nghiệp	22,8	20,5
+ nông nghiệp	52,9	37,1
+ dịch vụ	24,3	42,4

Bài 22: VIỆT NAM- ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

1. Hoàn thành phiếu học tập sau:

Lãnh thổ thống nhất và toàn vẹn	Việt Nam là nước độc lập có chủ quyền và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.
Nằm trong khu vực Đông Nam Á	Gắn liền với châu Á, tiếp giáp Thái Bình Dương. - Có đường biên giới trên đất liền với Campuchia, Lào, Trung Quốc - Vùng biển tiếp giáp với vùng biển của các nước Trung Quốc, Philippin, Maláya, Thái lan..

2. Mục tiêu tổng quát kinh tế chiến lược 2001- 2020 của nước ta là gì?

- + **Nông nghiệp:** Liên tục phát triển không những đủ cung cấp nhu cầu của nhân dân mà còn xuất khẩu.
- + **Công nghiệp:** đã từng bước khôi phục và phát triển mạnh mẽ nhất là các ngành then chốt.
- + **Cơ cấu kinh tế** ngày càng cân đối, hợp lý theo hướng kinh tế thị trường.
- Đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển , nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

3. Suy tầm những câu ca dao tục ngữ ca ngợi đất nước ta.

1. Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mừng mười tháng ba

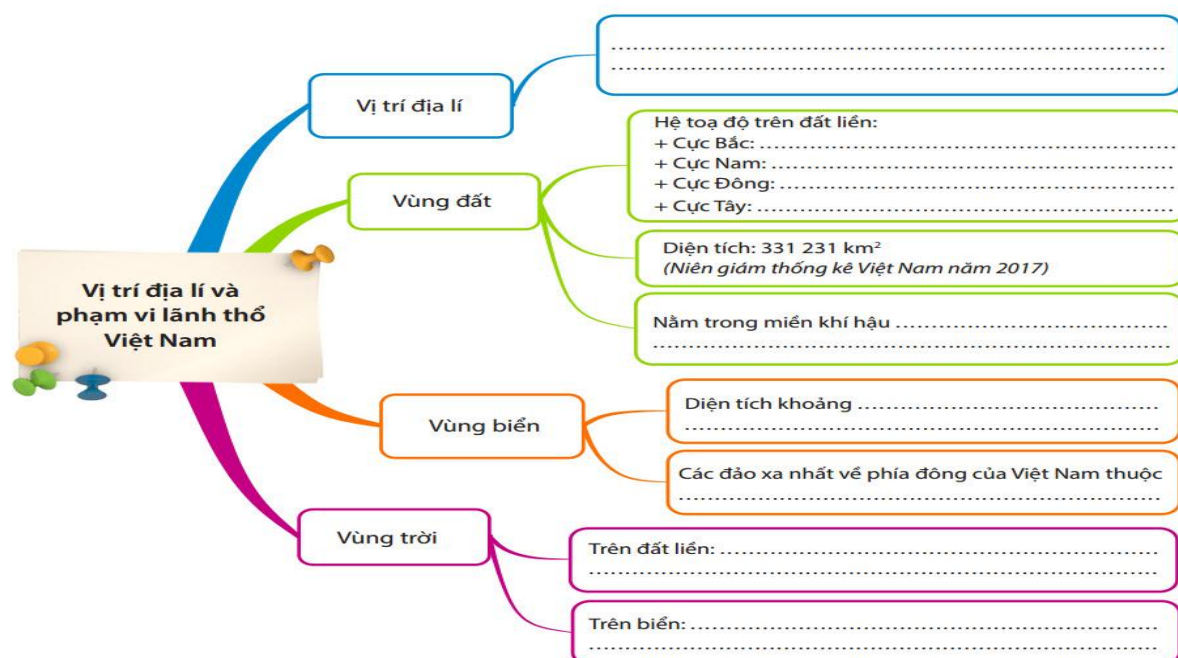
Dù ai buôn bán gần xa

Nhớ ngày giỗ tổ tháng ba mùng mười

2. Bình Định có núi vọng phu,
Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh.
Em về Bình Định cùng anh,
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa

BÀI 23: VỊ TRÍ GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM

Câu 1. Hoàn thành bảng sau:



1. **Vị trí địa lí.**– **Đất liền:** diện tích 331.212 km². Học thuộc bảng 23.2 sgk trang

– **Phần biển:** Diện tích trên 1 triệu km².

Có 2 quần đảo lớn là: Hoàng Sa và Trường Sa.

– Đặc điểm của vị trí địa lý Việt Nam về mặt tự nhiên:

+ Nước ta nằm hoàn toàn trong vòng đai nội chí tuyến bán cầu Bắc.

+ Trung tâm khu vực gió mùa Đông Nam Á

+ Cầu nối giữa đất liền và hải đảo.

+ Tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.

+ **Vùng trời** Việt Nam là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta ; trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.

Câu 2: Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta hiện nay?

Thuận lợi: Tạo thuận lợi cho Việt Nam phát triển kinh tế toàn diện.

– Hội nhập và giao lưu dễ dàng với các nước Đông Nam Á và thế giới trong xu hướng quốc tế hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

Khó khăn: Phải luôn chú ý bảo vệ đất nước, chống thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, sóng biển,...) và chống giặc ngoại xâm (xâm chiếm đất đai, hải đảo, xâm phạm vùng biển, vùng trời Tổ quốc,...).

BÀI 24: VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Câu 1. Nêu ý nghĩa của biển đối với sự phát triển của nền kinh tế nước ta?

Thuận lợi: Biển giàu tài nguyên sinh vật biển (cá, tôm, mực, san hô,...), khoáng sản (dầu khí, khoáng sản kim loại, phi kim loại), có nhiều bãi biển đẹp, có nhiều vũng, vịnh... thuận lợi để phát triển nghề cá, khai thác và chế biến khoáng sản, du lịch biển – đảo, giao thông vận tải biển...

Khó khăn: bão, nước biển dâng, sạt lở bờ biển...

Câu 2. Dân ta có câu “Rừng vàng biển bạc”, biển có giá trị vô cùng to lớn về nhiều mặt, nhưng hiện nay biển nước ta đang đứng trước những thách thức gì? là một học sinh em đã và sẽ làm gì để bảo vệ biển?

Những thách thức của biển nước ta: ô nhiễm môi trường biển từ rác thải sinh hoạt, rác thải và nước thải công nghiệp, thủy triều đen, thủy triều đỏ.... Việc khai thác quá mức nguồn tài nguyên biển nhanh chóng làm cạn kiệt nguồn tài nguyên đó.

Là một học sinh: em sẽ bảo vệ môi trường, không vứt rác bừa bãi, tuyên truyền tới mọi người cùng bảo vệ môi trường và tài nguyên biển.

Tuần 5,6

BÀI 25. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

Câu 1: Trình bày lịch sử phát triển của tự nhiên nước ta? Nêu ý nghĩa của giai đoạn Tân kiến tạo đối với sự phát triển của tự nhiên nước ta?

Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam có thể chia làm ba giai đoạn lớn:

– **Giai đoạn Tiền Cambri** (tạo lập nền móng sơ khai của lãnh thổ):

+ Cách ngày nay ít nhất khoảng 570 triệu năm. Khi đó đại bộ phận lãnh thổ nước ta còn là biển.

+ Phần đất liền là những mảng nền cổ: Kon Tum, Việt Bắc, Hoàng Liên Sơn, Sông Mã,

Pu Hoạt.

- + Các loài sinh vật còn rất ít và đơn giản. Bầu khí quyển rất ít ôxi.
- **Giai đoạn Cổ kiến tạo** (phát triển, mở rộng và ổn định lãnh thổ):
- + Cách ngày nay ít nhất là 65 triệu năm.
- + Có nhiều vận động tạo núi lớn (Ca-lê-đô-ni, Hec-xi-ni, In-đô-xi-ni, Ki- mê-ri) làm thay đổi hẳn hình thể nước ta so với trước. Phần lớn lãnh thổ nước ta đã trở thành đất liền.
- + Sinh vật phát triển mạnh mẽ, là thời kì cực thịnh của bò sát khủng long và cây hạt trần.
- + Xuất hiện các khối núi đá vôi và các bể than lớn tập trung ở miền Bắc và rải rác ở một số nơi.
- + Cuối giai đoạn này, địa hình nước ta bị ngoại lực bào mòn, hạ thấp.
- **Giai đoạn Tân kiến tạo** (tạo nên diện mạo hiện tại của lãnh thổ và còn đang tiếp diễn):
- + Cách ngày nay ít nhất khoảng 25 triệu năm.
- + Nâng cao địa hình; núi, sông trẻ lại.
- + Hình thành các cao nguyên ba dan và các đồng bằng phù sa trẻ; mở rộng Biển Đông, tạo các bể dầu khí ở thềm lục địa và ở đồng bằng châu thổ.
- + Sinh vật phát triển phong phú và hoàn thiện, xuất hiện loài người trên Trái Đất.

Nêu ý nghĩa của giai đoạn Tân kiến tạo đối với sự phát triển lãnh thổ nước ta hiện nay.

- Nâng cao địa hình, làm cho núi non, sông ngòi trẻ lại.
- Xuất hiện các cao nguyên ba dan núi lửa.
- Sụt lún tại các vùng đồng bằng phù sa trẻ.
- Mở rộng Biển Đông.
- Góp phần hình thành các khoáng sản: dầu khí, bô-xít, than bùn...

Câu 2. Con người xuất hiện vào giai đoạn nào trong sự phát triển của tự nhiên nước ta?

Con người xuất hiện vào giai đoạn Tân kiến tạo.

BÀI 26. ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Câu 1: Quan sát lược đồ trang 24 (tập bản đồ địa lí 8) em hãy kể tên và nơi phân bố của 10 loại khoáng sản.

Tên khoáng sản	Nơi phân bố
1. Than	Quảng Ninh, Lạng Sơn, Đà Nẵng.....
2. Dầu mỏ	Thềm lục địa Vũng Tàu,
3. Sắt	Thạch Khê, Thái Nguyên...
4. Khí đốt	Đồng bằng sông Hồng...
5. Than bùn	Đb sông Cửu Long
6. Vàng	Quảng Ngãi...
7. Bô-xít	Tây Nguyên
8. Titan	Hà Tĩnh, Bình Định...
9. Crôm	Thanh Hóa..
10. Thiếc	Sơn La, Chợ Đồn....

Câu 2: Em hãy nêu một số nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng nguồn tài nguyên khoáng sản nước ta, nêu một số giải pháp?

Nguyên nhân cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản:

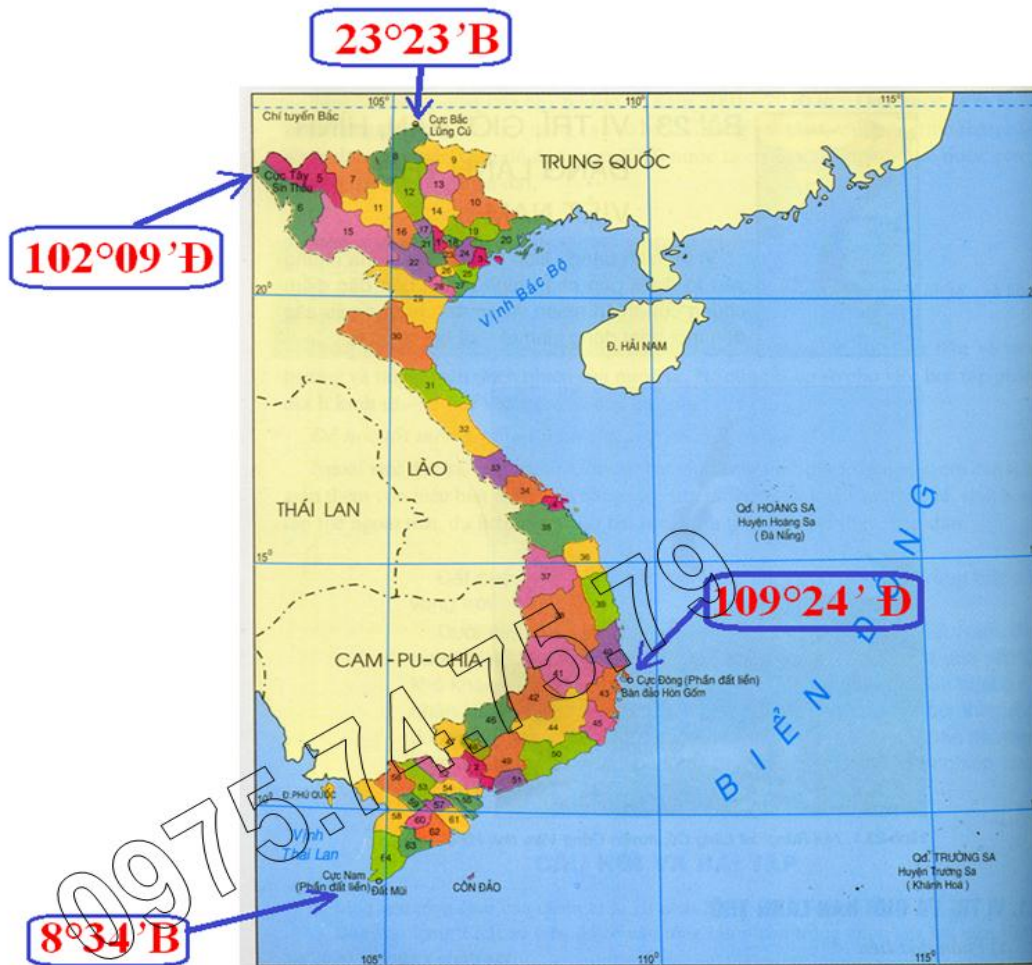
- Do chế độ bóc lột và chính sách vơ vét tàn bạo của thực dân Pháp trong hơn 80 năm.
- Do nhu cầu sử dụng ngày càng cao của con người.
- Quản lí lỏng lẻo, tự do khai thác bừa bãi (than, vàng, sắt, thiếc, đá quý...)
- Kỹ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng còn nhiều trong chất thải.
- Thăm dò đánh giá không chính xác về trữ lượng, hàm lượng, phân bố làm cho khai thác gặp khó khăn và đầu tư lãng phí.

Giải pháp: Cần thực hiện tốt Luật khoáng sản, sử dụng tiết kiệm TNKS.....

BÀI 27. ĐỌC BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Câu 1: Dựa vào tập bản đồ địa lí 8 trang 22,23 em hãy xác định vị trí tọa độ của 4 điểm cực Bắc, cực Nam, cực Tây, cực Đông của nước ta?

Bảng 23.2 trang 84 địa lí 8.



Câu 2: Xác định vị trí tọa độ của TP Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh gồm có bốn điểm cực:

- Cực Bắc là xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi.
- Cực Tây là xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi.
- Cực Nam là xã Long Hòa, huyện Cần Giờ.
- Cực Đông là xã Thạnh An, huyện Cần Giờ.

Phía Bắc giáp Bình Dương, Tây Bắc giáp Tây Ninh. Đông và Đông Bắc giáp Đồng Nai. Đông nam giáp Vũng Tàu. Tây và Tây Nam giáp Long An và Tiền Giang.

Gồm 19 quận: Q1- Q12, Bình Tân, Bình Thạnh, Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú, Gò Vấp. Và 5 huyện Cần Giờ, Củ Chi, Nhà Bè, Hóc môn, Bình Chánh.

Dân số năm 2016: 8.441.902 triệu dân.

BÀI 28. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

Câu 1: Quan sát vào tập bản đồ địa lí 8 trang 22,23 em hãy nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta? Trong đó bộ phận nào quan trọng nhất ?

Đặc điểm chung của địa hình nước ta:

Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam

* Địa hình nước ta rất đa dạng.

– Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ

+ Chủ yếu đồi núi thấp chiếm 85% diện tích

+ Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%

+ Đồi núi tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển đông.

– Đồng bằng lớn:

+ Đồng bằng sông Hồng

+ Đồng bằng sông Cửu Long

+ Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ đất liền và bị đồi núi ngăn cách thành nhiều khu vực

– Ngoài ra còn các đảo và quần đảo.

– Núi Bạch Mã, Mũi Nhạy....

Địa hình nước ta được tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau

– Địa hình nước ta do giai đoạn Cổ kiến tạo và Tân kiến tạo dựng lên.

+ Cổ kiến tạo: các vùng núi bị ngoại lực bào mòn phá huỷ tạo nên những bề mặt san bằng, thấp, thoải.

+ Tân kiến tạo: Địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa.

– Địa hình thấp dần từ nội địa ra biển, cao ở Tây Bắc – thấp dần ở Đông Nam.

– Địa hình nước ta chủ yếu theo 2 hướng Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung, ngoài ra còn có một số hướng khác trong phạm vi hẹp.

. Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người

- Địa hình nước ta luôn bị biến đổi mạnh mẽ.
- Do tác động mạnh mẽ của môi trường nhiệt đới gió mùa ẩm và do sự khai phá của con người.
- Đã xuất hiện ngày càng nhiều các địa hình nhân tạo (các công trình kiến trúc đô thị, hầm mỏ, giao thông...) trên đất nước ta.

Câu 2: Địa hình nước ta hình thành và biến đổi do những nhân tố nào?

Địa hình nước ta hình thành và biến đổi do các nhân tố :

- Hoạt động tân kiến tạo.
- Ngoại lực, nhất là trong điều kiện nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Hoạt động của con người.